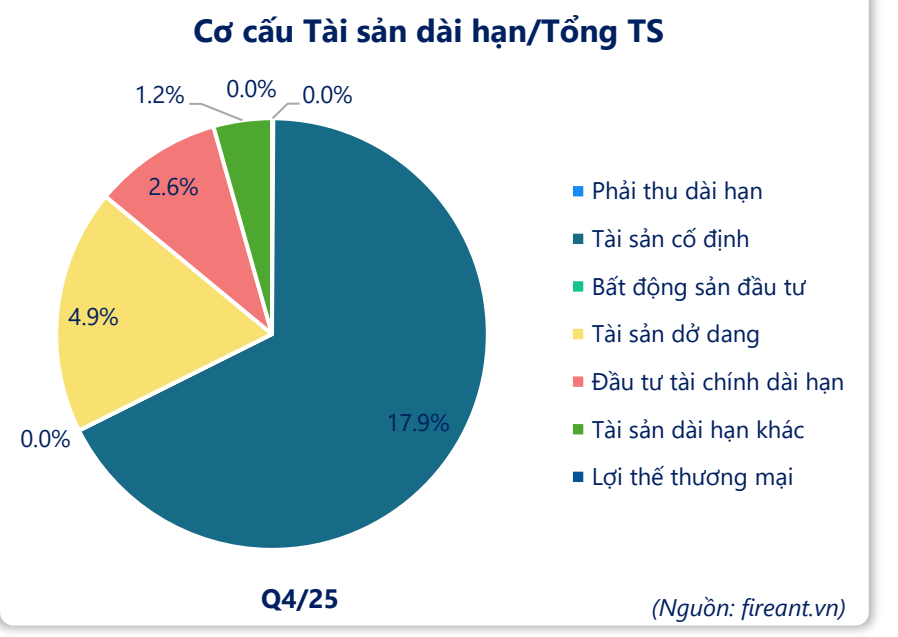
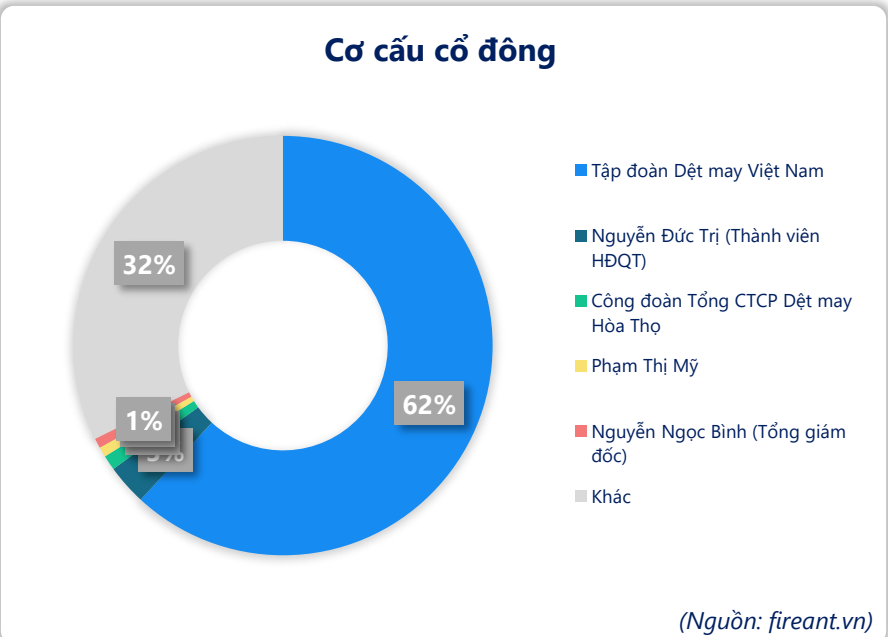
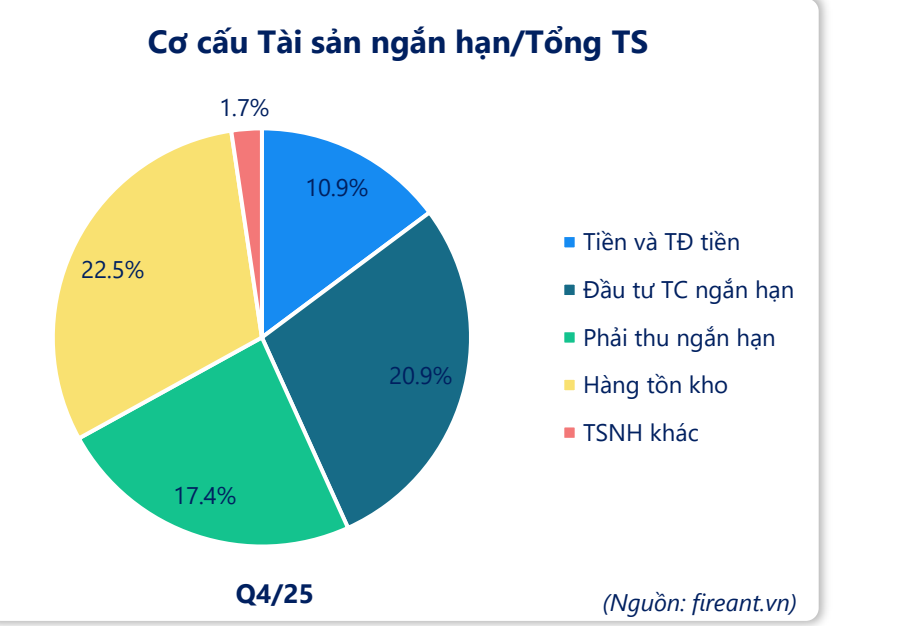
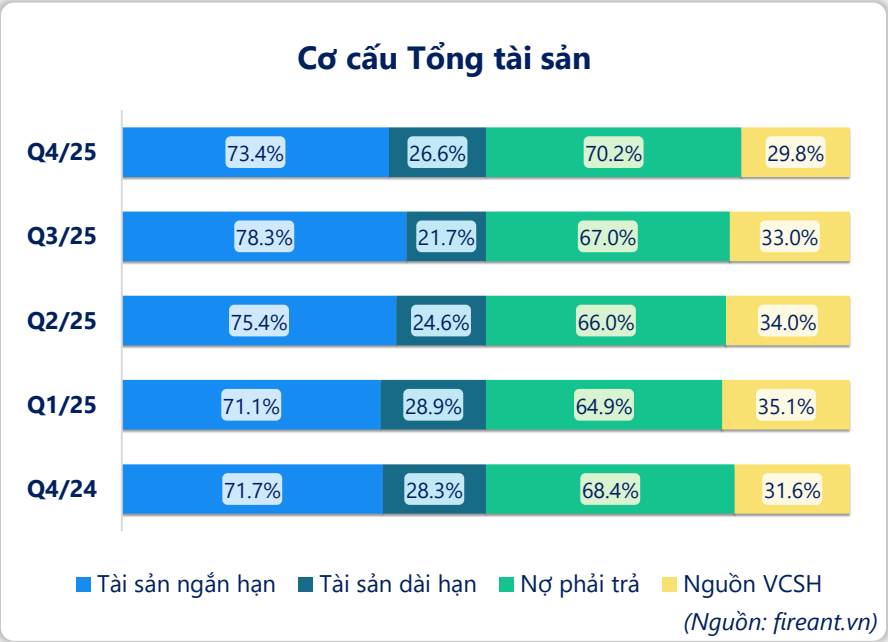
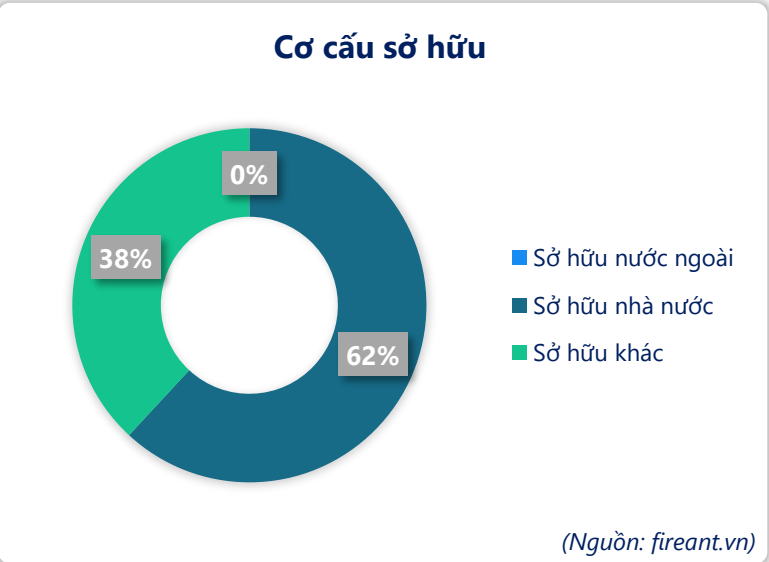
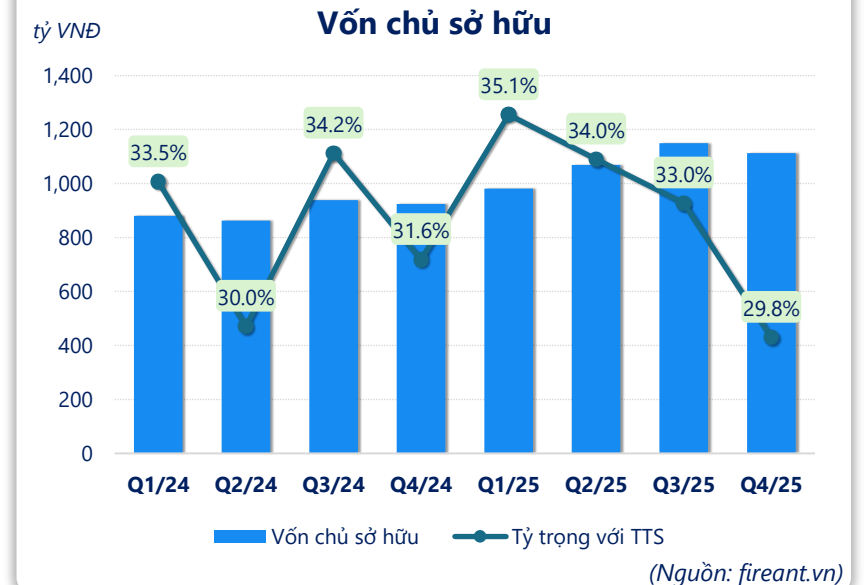
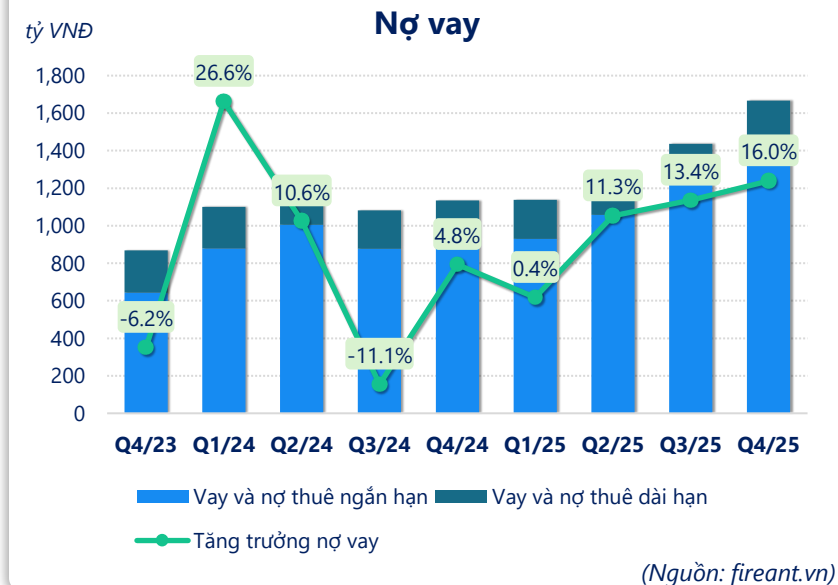
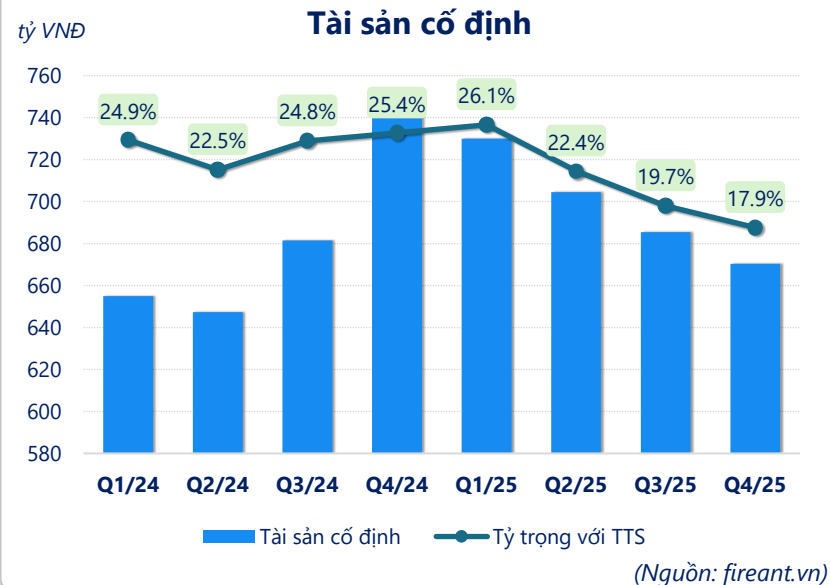
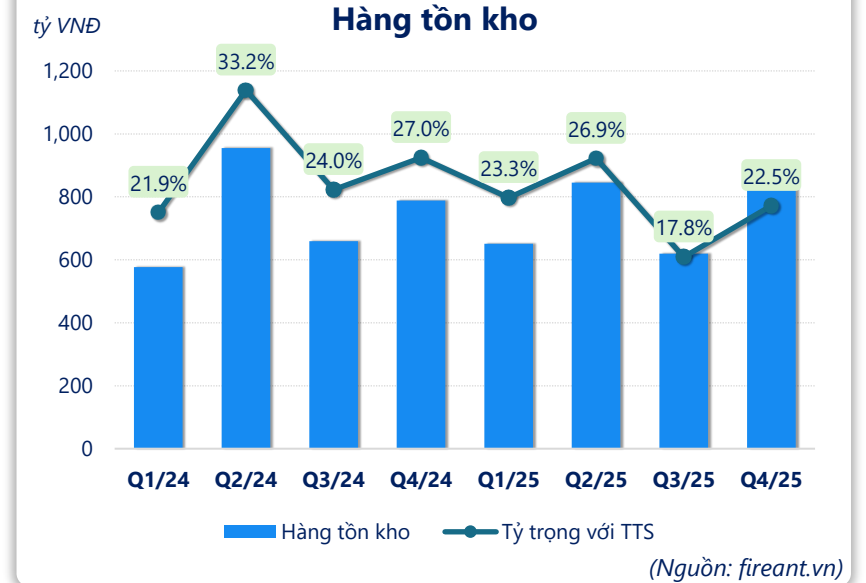
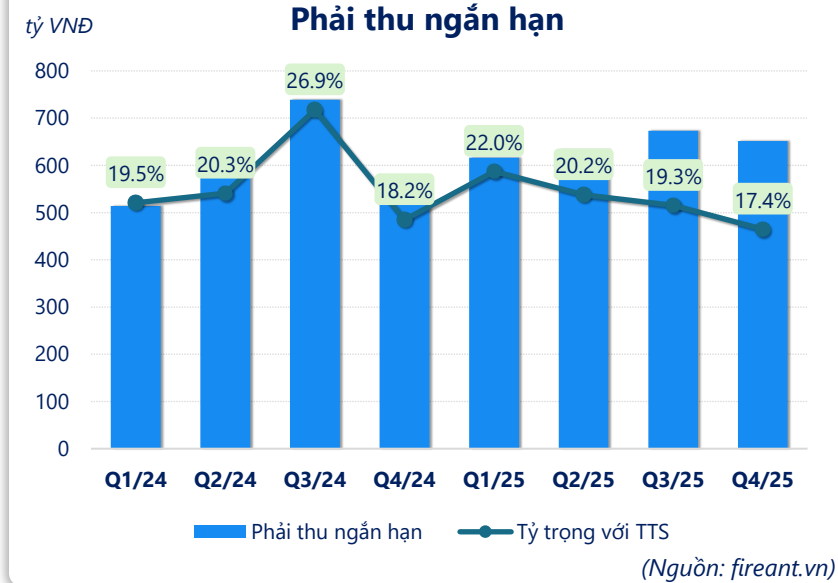
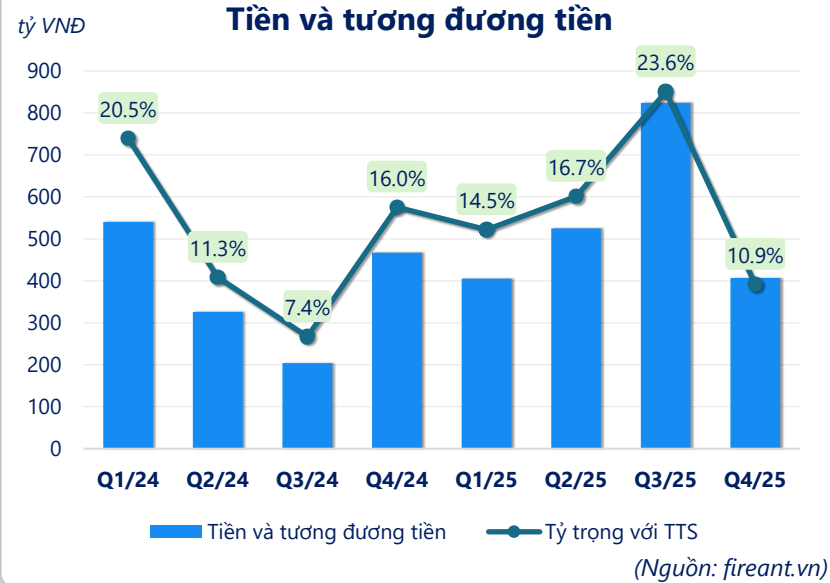
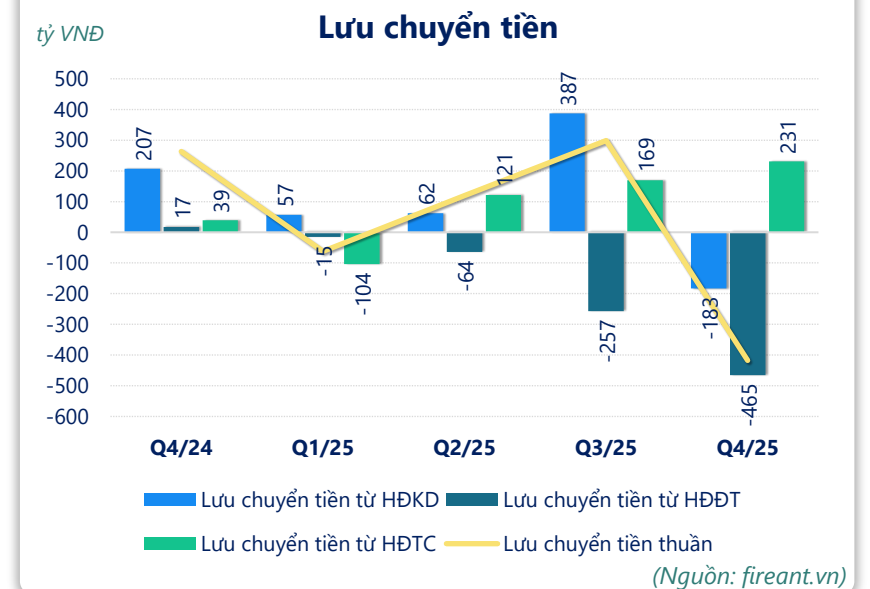
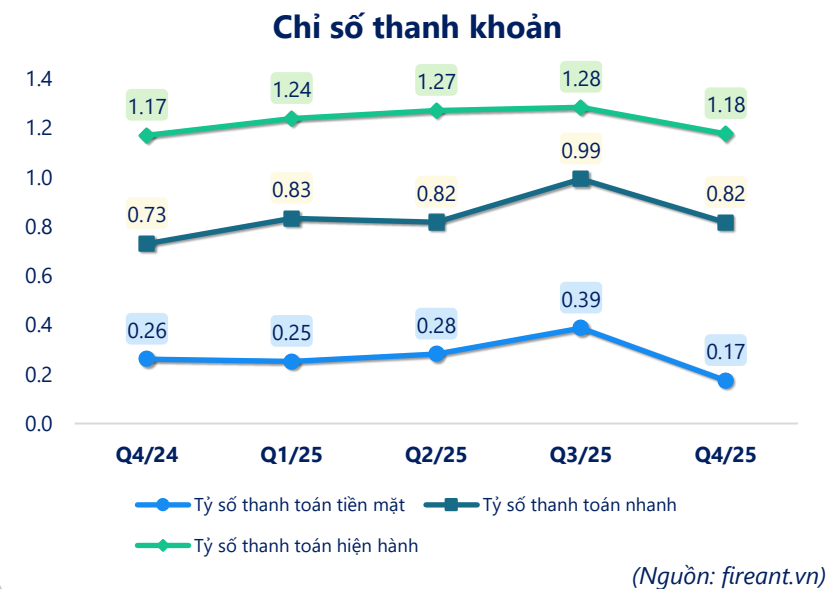
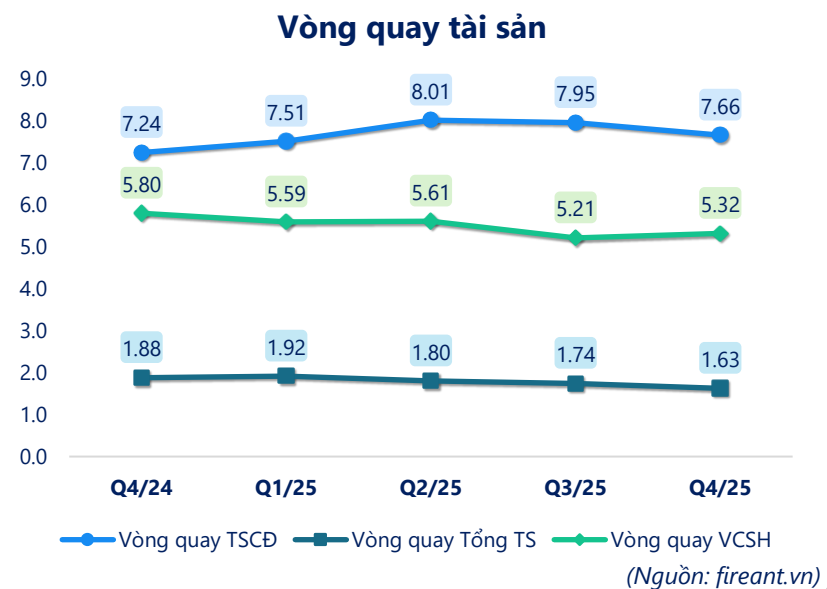
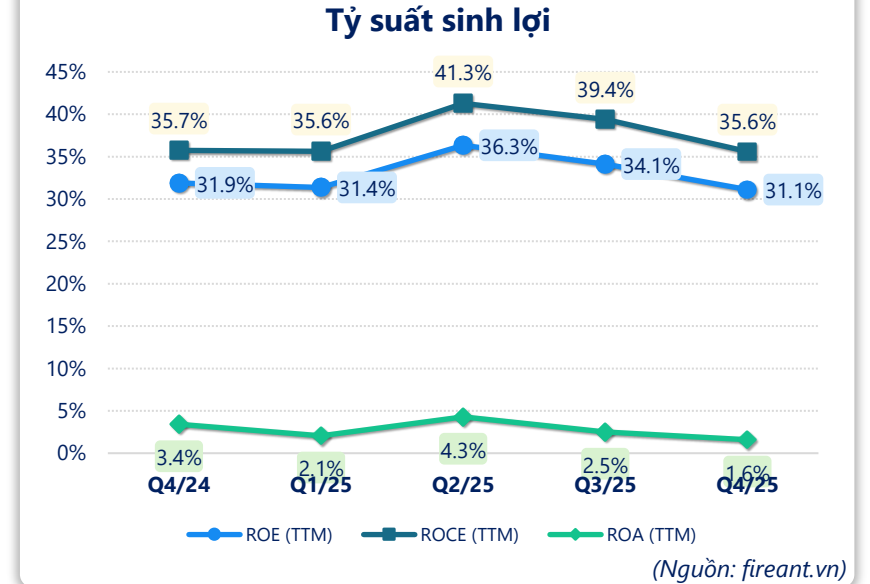
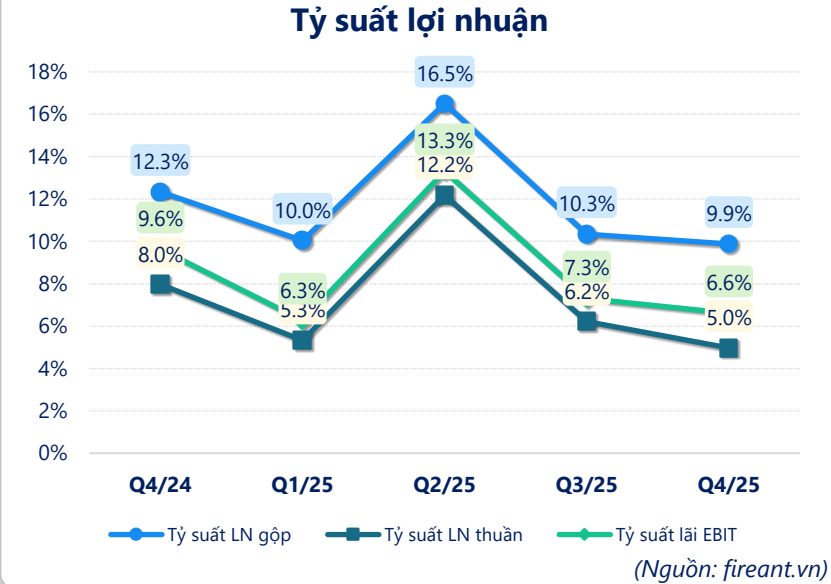
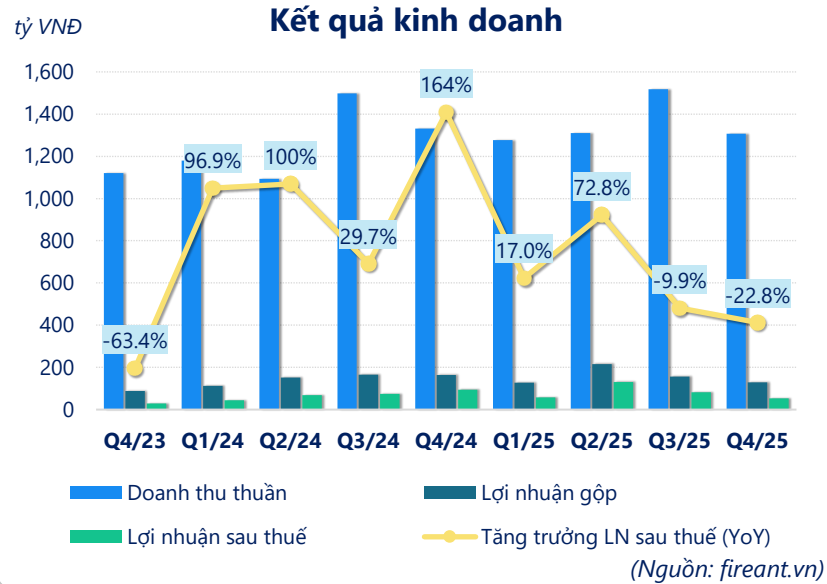


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		43,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		49,198
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,777
SL cổ phiếu LH		36,002,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,425
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,559
P/E		4.9
EPS		8,799

	YTD	1T	3T	6T
HTG	-3.7%	-2.2%	-0.3%	5.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,738	2,922	27.9%
Tài sản ngắn hạn	2,745	2,095	31.0%
Tiền và tương đương tiền	406	467	-13.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	781	254	207%
Phải thu ngắn hạn	652	531	22.6%
Hàng tồn kho	842	788	6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	64.5	54.4	18.5%
Tài sản dài hạn	993	827	20.0%
Phải thu dài hạn	0.96	3.34	-71.1%
Tài sản cố định	670	743	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	182	16.5	1006%
Đầu tư tài chính dài hạn	95.6	19.3	395%
Tài sản dài hạn khác	43.4	44.6	-2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,625	1,998	31.4%
Nợ ngắn hạn	2,333	1,790	30.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,375	926	48.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	245	275	-10.9%
Nợ dài hạn	293	208	40.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	292	208	40.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,113	924	20.4%
Vốn chủ sở hữu	1,113	924	20.4%
Vốn điều lệ	360	360	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,331	1,278	1,309	1,518	1,307
Giá vốn hàng bán	1,167	1,149	1,093	1,361	1,178
Lợi nhuận gộp	164	128	216	157	129
Doanh thu HĐTC	39.9	23.4	31.6	30.9	27.7
Chi phí TC	23.2	14.3	23.0	14.0	21.5
Chi phí lãi vay	10.8	9.89	12.0	12.0	16.9
LN trong công ty LKLD	0.42	0.77	0.90	0.42	0.16
Chi phí bán hàng	26.8	20.0	21.6	28.4	25.5
Chi phí QLDN	48.6	49.9	44.6	51.7	45.0
LN thuần từ HĐKD	106	68.0	159	94.2	64.9
Lợi nhuận khác	11.2	2.09	2.94	4.64	4.59
LN trước thuế	117	70.1	162	98.9	69.5
Lợi nhuận sau thuế	94.0	57.8	130	81.3	53.1
LNST của CĐ cty mẹ	92.3	56.2	129	78.5	53.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	207	57.0	62.1	387	-183
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.2	-15.2	-64.0	-257	-465
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	38.7	-104	121	169	231
Tiền đầu kỳ	204	467	405	525	823
Lưu chuyển tiền thuần	263	-61.9	119	299	-417
Ảnh hưởng tỷ giá	0.32	0	0	0	0.39
Tiền cuối kỳ	467	405	525	823	406

(Nguồn: fireant.vn)